TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HSST
Ngày 19/7/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Xuân Luyện;

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lý.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/HSST-QĐ ngày 07/7/2017, đối với bị cáo:

Đỗ Văn H, sinh năm 1983; nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: Tiểu khu K, thị trấn K K1, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị K; vợ: Nguyễn Thị T1 (đã ly hôn 2011) có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/5/2017 đến ngày 10/5/2017 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện TL, có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Dương Văn T2 - sinh năm 1995, vắng mặt;

2. Chị Vũ Thị D - sinh năm 1987, vắng mặt;

Cùng ĐKHKTT: Tiểu khu T3, thị trấn K K1, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

3. Anh Đỗ Văn T4 - sinh năm 1987; ĐKHKTT: Thôn Bồng Lạng, xã Thanh Nghị, huyện TL, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; ĐKHKTT: Tổ 7, phường TT, T phố PL, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h ngày 04/5/2017, Dương Văn T2 và Đỗ Văn T4 là hai đối tượng nghiện ma túy ăn tối cùng nhau tại khu vực phố Cà, xã Thanh Nguyên, huyện TL. Sau khi ăn xong cả hai rủ nhau góp tiền mua ma túy để sử dụng, T2 góp 200.000đ, T4 góp 300.000đ. Do có quen biết từ trước nên T2 điện thoại cho Đỗ Văn H hỏi mua ma túy, T2 nói "Anh đang ở đâu lấy hộ em 500.000đ ", H hiểu ý T2 hỏi mua ma túy nên trả lời: "Anh đang ở PL khoảng ba mươi phút nữa anh về". Khi H điều khiển xe mô tô về đến thị trấn K K1 thì T2 điện lại cả hại hẹn gặp nhau tại cầu K K1. Sau khi nghe điện, H điều khiển xe đến nơi thì gặp T2 và T4 đang xuống xe taxi, T2 đưa cho H 500.000đ, H cầm tiền bỏ vào túi quần rồi bảo T2 "Hàng để trong điếu T1ốc lá ở giỏ xe" ý nói ma túy T2 mua để ở giỏ xe của H. T2 nhận ma túy cầm lên xem thì ngay lúc đó bị lực lượng Công an thị trấn K K1 phối hợp Công an huyện TL bắt quả tang.

* Tài sản, vật chứng T1 giữ gồm:

- T1 của Đỗ Văn H số tiền 500.000đ, 01 điện thoại di động Masster- C105 màu đỏ đen bên trong lắp một sim mạng Viettel, 01 xe mô tô biển kiểm soát 90F2-7542.

- T1 của Dương Văn T2 01 điện thoại Nokia 130 mầu xanh đen bên trong lắp một sim Vinaphone, 01 điếu T1ốc lá Thăng Long có đặc điểm tại vị trí đầu lọc có một gói được gói bằng túi nilon hàn kín, bên trong chứa chất dạng tinh thể niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Văn H tại tiểu khu K, thị trấn K K1, huyện TL nhưng gia đình H kiên quyết từ chối với lý do từ lâu H đã không sống cùng với gia đình tại địa chỉ này nên cơ quan điều tra không thực hiện được việc khám xét.

Bản kết luận giám định số 81/PC54-MT ngày 07/5/2017 của Phòng Kỹ T1ật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: Chất tinh thể mầu trắng bên trong 01 (một) túi nilon trong mẫu ký hiệu QT01 gửi giám định có trọng lượng 0,093g (không phẩy không trăm chín mươi ba gam), có Methamphetamine (Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ).

Về vật chứng: Xác minh chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90F2-7542 T1 giữ của H, Cơ quan điều tra xác định trước đó H có mượn của chị Vũ Thị D, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tiểu khu T3, thị trấn K K1, huyện TL. Chị D không biết mục đích của H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị D.

Về nguồn gốc ma túy T1 giữ: Đỗ Văn H khai nhận đã mua số ma túy trên tại khu vực cầu PL T1ộc T phố PL của người thanh niên không rõ tên tuổi địa chỉ với giá 200.000đ rồi bán lại cho T2 với giá 500.000đ để kiếm lời. Ngoài lời khai của H Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không có tài liệu nào khác để xác minh làm rõ người đã bán ma túy cho H.

Bản cáo trạng số 48/KSĐT ngày 21/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Đỗ Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Đỗ Văn H từ 36 đến 42 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Xử lý vật chứng: Tịch T1 tiêu hủy số Methamphetamine hoàn lại sau giám định, tịch T1 sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Masster- C105 của H, 01 điện thoại Nokia 130 của T2 và số tiền 500.000đ.

Bị cáo Đỗ Văn H T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện TL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà, bị cáo Đỗ Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã T1

giữ, bản kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 04/5/2017, tại khu vực đầu cầu K K1 T1ộc địa phận tiểu khu K, thị trấn K K1, huyện TL, tổ công tác Công an huyện TL phối hợp với Công an thị trấn K K1 bắt quả tang Đỗ Văn H có hành vi bán trái phép cho Dương Văn T2 và Đỗ Văn T4 0,093 gam chất tinh thể mầu trắng có Methamphetemine, với giá 500.000đ với mục đích kiếm lời, bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về độc quyền quản lý các chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều xác định bị cáo là người lao động tự do, T1 nhập thấp, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người đã bán ma túy cho Đỗ Văn H, bị cáo xác định không quen biết đối tượng cũng như tên tuổi địa chỉ. Ngoài lời khai của H không còn tài liệu chứng cứ nào khác; vì vậy Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xác minh đối tượng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Dương Văn T2 và Đỗ Văn T4 đều là người nghiện ma túy, ngày 4/5/2017 đã có hành vi mua 0,093 gam Methamphetamine của Đỗ Văn H để sử dụng. Bản thân T2, T4 chưa có tiền án, tiền sự về các tội ma túy; trọng lượng ma túy chưa đủ yếu tố cấu T tội phạm, nên Công an huyện TL đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T2, T4 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Vũ Thị D chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90F2-7542 là đúng pháp luật. Chị D đã nhận lại xe, không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 0,093 gam chất tinh thể mầu trắng có Methamphetamine hoàn lại sau giám định là hàng cấm lưu hành, căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch T1 tiêu huỷ.

Số tiền 500.000đ do H bán ma túy mà có; 01 điện thoại di động Masster-C105 màu đỏ đen bên trong lắp một sim mạng Viettel; 01 điện thoại Nokia 130 mầu xanh đen bên trong lắp một sim Vinaphone là công cụ mà H và T2 sử dụng liên hệ giao dịch mua bán ma túy. Vì vậy căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự và điều 41 của Bộ luật Hình sự, tịch T1 sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Đỗ Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Đỗ Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là 04/5/2017.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự, điều 41 của Bộ luật Hình sự.

2.1. Tịch T1 tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine bên trong phong bì niêm phong số 81/PC54 - MT ghi "Mẫu vật hoàn trả QT01".

2.2. Tịch T1 sung quỹ Nhà nước: Số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động Masster- C105 màu đỏ đen bên trong lắp một sim mạng Viettel; 01 điện thoại Nokia 103 màu xanh đen bên trong lắp một sim Vinaphone.

(Chi tiết vật chứng như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/7/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL với Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL và Ủy nhiệm chi số 32 ngày 17/7/2017).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**